

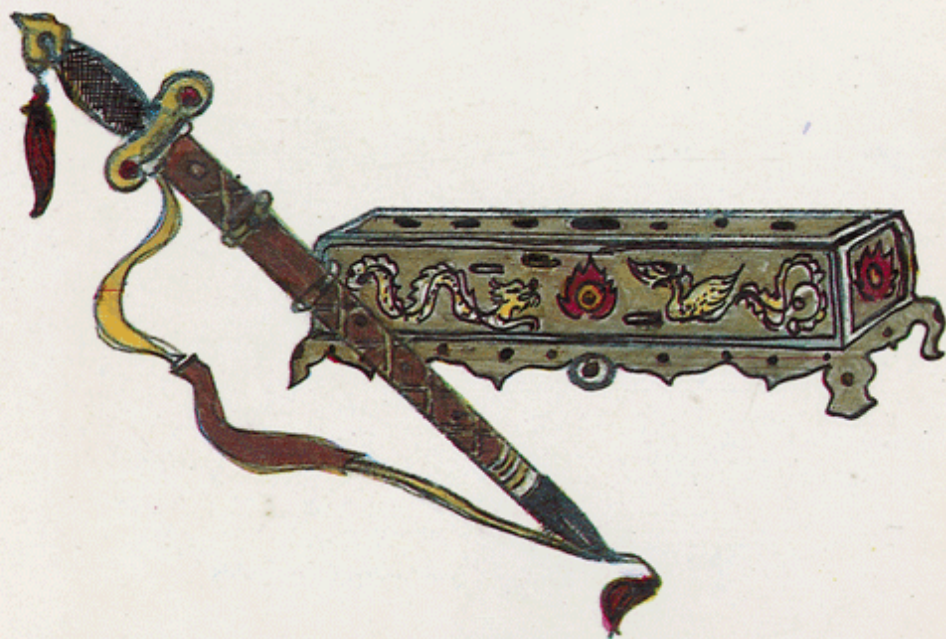
Đ

VV
43075

Như Hiên NGUYỄN NGỌC HIỀN

LỄ THÀNH HẦU NGUYỄN HỮU CẢNH

VỚI CÔNG CUỘC KHAI SÁNG MIỀN NAM
NƯỚC VIỆT CUỐI THẾ KỶ THỨ XVII



TÁI BẢN LẦN THỨ BA

Kỷ niệm 300 năm thành lập Sài Gòn - Gia định

(1698 - 1998)

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

- 1999 -

9(V)(092)

L250

Như Hiên NGUYỄN NGỌC HIÊN
biên soạn

LỄ THÀNH HẦU
NGUYỄN HỮU CẢNH
1650 - 1700

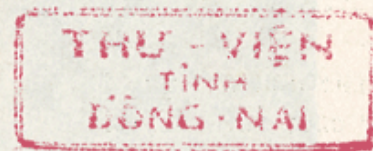
*(Với công cuộc khai sáng miền Nam
nước Việt cuối thế kỷ 17)*

PHỤ LỤC

CHIÊU VŨ HẦU NGUYỄN HỮU DẬT
HÀO LƯƠNG HẦU NGUYỄN HỮU HẢO

(Tái bản lần thứ ba)

*Kỷ niệm 300 năm thành lập Sài Gòn - Gia Định
(1698 - 1998)*



Đ/2000/VV/48075

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

TRANG LỄ THÀNH HẦU NGUYỄN HỮU CẢNH
thờ tại đền Châu Phú (Châu Đốc)



TƯỢNG LỄ THÀNH HẦU NGUYỄN HỮU CẢNH
thờ tại đền Châu Phú (Châu Đốc)

吾後純祐只之志
河力取潤容天為
有取起人力能為執
既乃競造音
考書先為中

Di ngôn của Lê Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh :
- "Ngô dục kê Tổ Phụ chí chí hạt lực báo quốc, nãi
thiên số hữu hạn, khởi nhân lực năng vi tai..."

Thủ bút của Thanh Vân

CHÂN THÀNH GHI ƠN

- Ban thường vụ Hiệp Hội đồng hương Quảng Bình đã hỗ trợ khuyến khích; đặc biệt Ông Nguyễn Cương là người khởi đầu rất nhiệt tâm, đã hội ý và giúp soạn giả việc sưu tầm tài liệu về Đức Ông Nguyễn Hữu Cảnh ở Quảng Bình cũng như phần địa danh nơi đây được chuẩn xác.
- Học giả Thanh Vân - Nguyễn Duy Nhường đảm trách phần chú giải Hán, Nôm.
- Các bậc cao niên ngành sử và các bạn hữu đã giúp đỡ, góp ý.
- Dinh Phủ Thờ Lê Công Từ Đường và các ban Quý tế các Đền thờ Đức Ông Lê Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh, giúp tài liệu và truyền thuyết địa phương.
- Hậu duệ dòng Nguyễn Hữu xa gần đã cung cấp nguồn tư liệu, gia phả.
- Đồng hương Quảng Bình, Hà Đông cùng hậu duệ Nội, Ngoại chung lo việc ấn hành lần đầu tiên tập biên khảo này (1993).

Soạn giả xin trân trọng cảm tạ quý vị Học giả, Giáo sư trong và ngoài nước, các nhà gia phả, các nhà báo, các gia đình đồng hậu duệ cùng quý độc giả gần xa đã nhiệt tình ủng hộ và góp ý bổ sung những khiếm khuyết, nhờ đó quyển sưu khảo LTH Nguyễn Hữu Cảnh được thêm phần chính xác trong cả ba đợt tái bản: lần thứ nhất 1995, lần thứ hai 1997, và lần thứ ba 1999.

Soạn Giả

Như Hiên - NGUYỄN NGỌC HIỀN

LỜI GIỚI THIỆU

Tục ngữ Việt Nam có câu "Uống nước nhớ nguồn" lại có câu "Ăn trái nhớ kẻ trồng cây" đủ nói lên một trong những truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta luôn luôn ghi nhớ công ơn của các bậc tiền bối đã không nề khó khăn, gian khổ, hiểm nguy, không quản hi sinh, mất mát, đem sức mình xây dựng, mở mang và bảo vệ đất nước, mang lại vinh quang cho dân tộc.

Chính vì truyền thống tốt đẹp ấy mà trong kho tàng sử sách Việt Nam, ta thấy có rất nhiều công trình sưu tầm, giới thiệu sự tích và công trạng của các bậc anh hùng hào kiệt có công lớn với nhân dân, với đất nước, được người đời hết lời ca ngợi và tôn vinh. Tuy nhiên điều dễ nhận thấy là không phải mọi anh hùng hào kiệt, mọi bậc tiền bối có công lớn với Tổ quốc, với nhân dân đều đã được sử sách ghi chép một cách đầy đủ. Một trong những trường hợp ấy là Chương Cơ Lễ Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh.

Chúng ta đều biết, vào những năm cuối thế kỷ XVII, Đức ông Lễ Thành Hầu là người có công lớn trong việc mở mang vùng đất cực Nam Trung bộ, rồi lại là người lập công đầu trong việc đặt nền móng, tạo bàn đạp, dựng tiền đề cho việc mở mang tiếp

vùng đất Nam bộ ngày nay, với nhiều biện pháp hành chánh, kinh tế, quân sự hữu hiệu, với những chính sách an dân, hòa hợp dân tộc thỏa đáng. Tuy nhiên trong sử sách thời Nguyễn, người ta chỉ thấy những ghi chép vừa ít ỏi, vừa tản mạn. Thí dụ trong "Gia Định Thành Thông Chí" của Trịnh Hoài Đức, chỉ có một đoạn ngắn nói về những việc làm của Nguyễn Hữu Cảnh trên đất Gia Định xưa :

"Mùa xuân năm Mậu Dần" (1698) đời vua Hiến Tông Hiếu Minh Hoàng Đế sai Thống Suất Chương Cơ Lễ Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh (Kính) sang kinh lược Cao Miên, lấy đất Nông Nại đặt làm Gia định phủ, lập xứ Đồng Nai làm huyện Phước Long, dựng dinh Trấn Biên, lập xứ Sài Côn làm huyện Tân Bình, dựng dinh Phiên Trấn, mỗi dinh đặt chức Lưu Thủ, Cai Bạ và Ký Lục để quản trị, nha thuộc thì có hai ty Xá, Lại để làm việc, quân binh thì có Cơ, Đội, thuyền, thủy bộ tinh binh và thuộc binh để hộ vệ. Đất đai mở rộng nghìn dặm, dân số hơn bốn vạn hộ, chiêu mộ những lưu dân từ Bắc Chính Châu trở vô Nam đến ở khắp nơi, đặt ra phường, ấp, xã thôn, chia cắt địa phận, mọi người phân chiếm ruộng đất, chuẩn định thuế đinh, điền, và lập bộ tịch đinh, điền. Từ đó, con cháu người Tàu ở nơi Trấn biên thì lập thành xã Thanh Hà, ở nơi Phiên Trấn thì lập thành xã Minh Hương rồi ghép vào sổ hộ tịch".

Trong "Đại Nam Nhất thống chí" ở phần viết về tỉnh Biên Hòa và tỉnh Gia định, sự ghi chép về hoạt động của Nguyễn Hữu Cảnh trên đất Đồng Nai, Gia định lại càng ngắn gọn hơn.

Đến các công trình nghiên cứu và biên soạn lịch sử Việt Nam, giai đoạn các thế kỷ XVII - XVIII, khi nói về Nguyễn Hữu Cảnh cũng chỉ vồn vện năm, ba dòng.

Rõ ràng là những điều sử sách đã viết chưa phản ánh đầy đủ và cụ thể những việc làm đầy khó khăn và phức tạp của Nguyễn Hữu Cảnh cũng như ý nghĩa và tác dụng sâu rộng của

những việc làm ấy đối với tiến trình mở mang sau này ở vùng đất phía Nam. Hơn nữa, có thể nói rằng, cho đến nay, chưa có một tài liệu hoặc công trình nào nói rõ nguồn gốc, dòng họ, quê hương, tiểu sử... của Ngài.

Tất cả những cái "bất cập" nói trên đòi hỏi phải có một công trình sưu tập và nghiên cứu chuyên sâu, giới thiệu toàn diện và đầy đủ về thân thế và sự nghiệp của Chương Cơ Lễ Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh.

May mắn thay, đòi hỏi bức xúc ấy đã được nhà văn nữ Như Hiên Nguyễn Ngọc Hiên cháu ngoại hậu duệ dòng Nguyễn Hữu, đáp ứng một cách tốt đẹp với tác phẩm "**Lễ Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh với công cuộc khai sáng miền Nam nước Việt cuối thế kỷ 17**" mà bạn đọc đang có trong tay.

Bằng những tư liệu phong phú và đáng tin cậy, trong đó có phần Hán văn là khó khăn nhất thì lại được Giáo sư Thanh Vân, người bạn đời giúp đỡ chu đáo. Tác giả Như Hiên đã sưu khảo, trình bày khá cặn kẽ nguồn gốc, dòng họ, quê hương, con người từ thuở thiếu thời, nơi tọa lạc lăng mộ, những công nghiệp lớn lao của Chương Cơ Lễ Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh, cùng sự ngưỡng mộ và tri ân của nhân dân miền Nam đối với Ngài; đã mang lại cho chúng ta một sự hiểu biết khá đầy đủ về thân thế và sự nghiệp của một nhân vật từng lập công lớn trong công cuộc mở mang vùng đất mới.

Nhưng điều cần nhấn mạnh ở đây là công trình sưu tập và nghiên cứu của Như Hiên không chỉ nhằm tôn vinh và tỏ lòng biết ơn đối với Chương Cơ Lễ Thành Hầu trên ý nghĩa "Uống nước nhớ nguồn" mà còn nhằm góp phần làm sáng tỏ thêm một giai đoạn phát triển lịch sử của vùng đất phía Nam Tổ Quốc, mà ở đó Tổ Tiên chúng ta - những lưu dân nghèo khổ từ miền Trung, bằng mồ hôi, nước mắt và trải qua biết bao gian lao, nguy hiểm, nhọc nhằn đã dày công tạo dựng nên một vùng đất trù phú như

ngày nay. Điều này sẽ giúp chúng ta xác định thêm một chỗ đứng, một trách nhiệm với nội dung : Cha ông chúng ta đã có công dựng nước, chúng ta ngày nay phải ra sức bảo vệ và phát triển đất nước ngang tầm với thời đại mà chúng ta đang sống. Đó là ý nghĩa khoa học và cũng là ý nghĩa thực tiễn của công trình này.

Với tinh thần khách quan khoa học và ý thức coi trọng thành quả lao động nặng nhọc của người khác, tôi xin trân trọng giới thiệu với bạn đọc tác phẩm "**Lễ Thành Hâu Nguyễn Hữu Cảnh với công cuộc khai sáng miền Nam nước Việt cuối thế kỷ thứ XVII**" của Như Hiên Nguyễn Ngọc Hiền, một công trình sưu tập nghiên cứu thật công phu, vừa có giá trị khoa học, vừa có ý nghĩa thực tiễn.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07/02/1993

GS HUỲNH LỬA

TỰA

Bên bờ sông Hồng phía đông thành Hà Nội có cửa ô Đông Hà, sau dân gian gọi là cửa Ô Quan Chưởng để kỷ niệm quan Chưởng Cơ không rõ tính danh thời nhà Nguyễn, cuối thế kỷ thứ XIX đã cùng hơn một trăm binh sĩ hy sinh quyết giữ cho được cửa Ô này, không để rơi vào tay giặc Pháp xâm lược.

Bên bờ sông Hậu tại An Giang cũng có Cù Lao trước đây là cù lao Cây Sao, được dân gian gọi là Cù lao Ông Chưởng kỷ niệm nơi dừng chân của vị Chưởng Cơ có công lao mở mang bờ cõi thời chúa Nguyễn, cuối thế kỷ XVII, song lại biết tính danh.. Đó là Chưởng Cơ Nguyễn Hữu Cảnh, còn được gọi là Nguyễn Hữu Kính hay là Lê Thành Hầu hay Chưởng Bình Lê.

Chưởng Cơ là chức quan võ chỉ huy một đơn vị quân đội thời chúa Nguyễn và nhà Nguyễn đã thật sự đi vào lòng người dân Việt với tấm lòng tri ân sâu xa đối với công lao hy sinh gìn giữ và mở mang bờ cõi của non sông đất Việt. Riêng tấm lòng của những lưu dân ở miền Nam đối với vị Chưởng Cơ có công lao mở mang bờ cõi, khai phá Miền Nam thật hết sức đặc biệt. Nơi nào có vết chân của vị Chưởng Cơ Nguyễn Hữu Cảnh đi qua từ Biên Hòa, Gia Định đến Mỹ Tho, An Giang, Châu Đốc, đâu đâu cũng lập đền thờ. Thật là điều rất hiếm có.

Việc tôn thờ những anh hùng "Hộ Quốc Tí Dân" là điểm đặc sắc của Văn Hóa Việt Nam. Chính sự tôn thờ anh hùng dân tộc ấy như là một triết lý sống của dân tộc ta đã góp phần xây dựng truyền thống anh hùng của dân tộc Việt Nam.

Lịch sử Việt Nam là lịch sử đấu tranh gìn giữ bờ cõi, song cũng còn là lịch sử xây dựng mở mang bờ cõi, không ngừng phát triển về phương Nam. Chúng ta chưa biết gì nhiều về lịch sử xây dựng này, chưa được sức sống vô cùng mãnh liệt của dân tộc Việt Nam, chắc chắn còn biết bao nhiêu chuyện cần ghi lại cho muôn đời sau. Điều mà chúng ta phải làm mà chưa làm được là trước tác những tác phẩm lớn sử học cũng như văn học về sức sống mãnh liệt, khai phá không ngừng về phương Nam. Truyền thống dựng nước này cần được phát huy để đất nước Việt Nam chuyển mình phát triển mạnh mẽ ở các thế kỷ tới.

Sự tìm hiểu con người và sự nghiệp xây dựng đất nước lớn lao của các anh hùng như Chương Cơ Nguyễn Hữu Cảnh thật rất cần thiết. Nữ sĩ Như Hiền Nguyễn Ngọc Hiền là hậu duệ của Hào Lương Hầu Nguyễn Hữu Hào, anh của Nguyễn Hữu Cảnh, với tất cả tấm lòng thành "uống nước nhớ nguồn" đã bỏ rất nhiều công sức đi tìm hiểu những Đền Thờ, Lăng Mộ Chương Cơ này, ghi chép kỹ càng những Sắc phong qua các triều đại cùng những câu đối, hoành phi ở nhiều nơi, từ Biên Hòa, Chợ Lớn, Rạch Gầm đến Long Xuyên, Châu Đốc ... Tác giả còn thu thập được bia ký và các thế phả, gia phả của nhiều chi phái Nguyễn Tộc khắp từ Thanh Hóa, Ninh Bình, Hà Đông, Quảng Bình, Huế, để truy cứu lại lai lịch từ khởi tổ Nguyễn Bặc thời Đinh, Tiên Lê đến đời Nguyễn Trãi, thời Hậu Lê xuống tới dòng Vương Nguyễn Phước, nhà Nguyễn, và dòng Tướng Nguyễn Hữu.

Đây chính là những đóng góp đáng kể của nữ sĩ Nhu Hiền để hoàn thành tập sưu khảo **Lê Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh**, Người đã góp phần công nghiệp lớn khai sáng miền Nam nước Việt cuối thế kỷ thứ 17.

Văn hóa Việt Nam nói chung cũng như việc thờ tự, lễ hội cúng tế những anh hùng dân tộc nói riêng cần được nghiên cứu để định hình và phát huy bản sắc Văn Hóa Dân Tộc. Càng về phương Nam và với thời gian, tính Hán hóa đã được giảm dần.

Trong hoàn cảnh hiện nay, công sức của nữ sĩ Nhu Hiền đã thật sự giúp chúng ta tìm hiểu về Truyền Thống tôn thờ anh hùng "Hộ Quốc Tí Dân" của dân tộc Việt Nam.

Chúng tôi rất mong công việc này được khuyến khích, tiếp nối và phát huy.

Miền Nam, ngày 6 tháng 6 năm 1993

Hãn Nguyên NGUYỄN NHÃ

(Nguyên Chủ nhiệm Tập san Sử Địa)

THƯ VIỆN
HỘI
ĐỒNG NAM

PHÂN MỤC

CHƯƠNG MỘT : Tiểu sử và nguồn gốc Lê Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh.

- Xác định tên thật, nguồn gốc, phả hệ.
- Việc thiên cư và truyền ngôn về phần mộ dòng Nguyễn Hữu

CHƯƠNG HAI : Quê hương và con người Nguyễn Hữu Cảnh.

- Từ Chi Ngại (Hải Dương) Nhị Khê (Hà Đông) Gia Miêu (Thanh Hóa) đến Thuận Hóa và Quảng Bình
- Xác định nơi sinh của Lê Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh
- Thuở thiếu thời, đường võ nghiệp và truyền thống đức độ của nếp nhà họ Nguyễn.

CHƯƠNG BA : Lê Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh và công cuộc mở mang miền Nam cùng việc xử sự với Champa (Chiêm Thành).

CHƯƠNG BỐN : Lê Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh kinh lược xứ Đồng Nai.

- Đời sống lẻ tẻ của các sắc dân tại vùng ác địa Đồng Nai ở đầu thế kỷ 17.



- CHƯƠNG NĂM : Lễ Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh
bình định Chân Lạp.
- Thống xuất Nguyễn Hữu Cảnh với vấn đề Chân Lạp.
- Lễ Thành Hầu ngã bệnh, mất đột ngột trên đường công
vụ trở về.
- CHƯƠNG SÁU : Sự truy phong công nghiệp Lễ Thành
Hầu Nguyễn Hữu Cảnh qua các triều
đại thể chế từ 1700-1993.
- CHƯƠNG BẢY : Sự tri ân của nhân dân miền Nam đối
với bậc Khai Quốc công thần Lễ Thành
Hầu Nguyễn Hữu Cảnh.
- CHƯƠNG TÁM : Văn tế, thơ phú hoài niệm công đức lớn
lao của Lễ Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh
- CHƯƠNG CHÍN : Vài huyền thoại về phần mộ Lễ Thành
Hầu Nguyễn Hữu Cảnh từ Cù Lao Phố,
Rạch Gầm, Đà Nẵng, Quảng Bình.

PHỤ LỤC :

1. Tiểu truyện Chiêu Vũ Hầu Nguyễn Hữu Dật (thân phụ
của Lễ Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh).
2. Tiểu truyện Hào Lương Hầu Nguyễn Hữu Hào (Bào
huynh của Lễ Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh).
3. Ký sự những chuyến đi sưu khảo đền miếu vị Thượng
Đẳng Thần Lễ Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh tại các
vùng miền Đông và miền Tây nam bộ.
4. Trích dẫn minh chứng phân chữ Hán :
 - Một số gia phả của dòng Nguyễn Hữu.
 - Đại Nam Liệt Truyện Tiền Biên.



Đ/2000 / ✓ ✓ / 143074

LỜI MỞ ĐẦU

Trước tiên soạn giả xin mạn phép được nhân danh là hậu duệ xa đời của Đức Ông Hào Lương Hào Nguyễn Hữu Hào, Ông là anh ruột của Lê Thành Hào Nguyễn Hữu Cảnh. Theo phả truyền Ngoại Tông, tôi phải gọi Đức Ông Nguyễn Hữu Cảnh là Cao Thúc Ngoại Tổ.

Qua những trang sử liệu vắn tắt, nhưng rất chính xác. Cả hai anh em Đức Ông đều là những bậc Danh Thần Hữu Công của đất nước. Bởi đó tôi nảy sinh ý nghĩ sưu tầm rõ hơn về hai Danh Nhân này. Dù khả năng giới hạn, nhưng tôi đã cố gắng biên soạn với tất cả nhiệt tình. Có điều may, tôi không bị đơn độc, vì có sự trợ giúp đắc lực về phần Hán Nôm đã do nhà tôi, Giáo sư Thanh Vân Nguyễn Duy Nhường phiên dịch. Chúng tôi đã cùng đi sưu khảo các nơi có di tích về hai vị Nguyễn Hữu.

Đồng thời còn có sự hỗ trợ khuyến khích của Ban Thường vụ Hiệp Hội Đồng Hương Quảng Bình, mà hai vị chủ động nhiệt tâm nhất là Ô. Nguyễn Cương và Ô. Hoàng Văn Nhân. Rồi đến các bạn hữu, các ban Quý Tế các đền Cù lao Ông Chưởng, Cù lao Phố, đền Châu Phú, Dinh Phủ Thờ Lê Công... cùng nhiều bà con anh em đồng hậu duệ dòng Nguyễn Hữu gần, xa đã sệt sức cung cấp tư liệu, gia phả v.v...

Tôi khởi viết từ đầu năm 1991, đến tháng 7/1992 thì hoàn thành bản thảo đầu tiên, được trình bày sơ bộ ngày 2/8/1992 trước sự hiện diện của Ban Thường Vụ Hiệp Hội Đồng Hương Quảng Bình - Hà Đông và hậu duệ Nội, Ngoại cùng quý vị Giáo sư, Giáo viên khoa Sử. Ngay sau đó, bản thảo lại được tóm tắt lần thứ 2 vào ngày 25/8/1992 và trình bày tiếp lần thứ 3 vào ngày 2/5/1993.

Giờ đây, sau 3 năm làm việc liên tục, soạn phẩm "**Lễ Thành Hào Nguyễn Hữu Cảnh, với công cuộc khai sáng miền nam nước Việt cuối thế kỷ 17**" đã tạm gọi là hoàn chỉnh. Dẫu chưa đạt sở nguyện, song đã mang nhiều ý nghĩa tri ân đối với bậc Danh Nhân của Tổ Quốc.

Xưa nay sự tôn vinh danh nhân thì nước nào cũng có và rất được xem là trọng. Ngay phương Tây đã có danh ngôn : "*Có cái tai họa nào xảy đến cho một Quốc Gia lớn hơn là mất đi sự tôn vinh*". Ở nước ta, sự tôn vinh thật bao la và bất diệt.

Riêng ở bậc Khai quốc công thần Lễ Thành Hào Nguyễn Hữu Cảnh, mặc dầu công nghiệp khai biên mở cõi miền Nam Việt Nam của ông chỉ là tiếp bước tiền nhân, như những nhà làm sử đã ghi : "*Sự thực không hẳn là công đầu, cũng không phải là công cuối, nhưng chỉ với 8 năm (1692-1700) - Thời gian quá ngắn ngủi ! Lại là 8 năm cuối đời của ông ! Rõ ràng Lễ Thành Hào Nguyễn Hữu Cảnh đã hoàn thành được một công trình vĩ đại để dâng hiến cho đất nước và cho con cháu chúng ta mãi sau này, còn nối tiếp được thừa hưởng một gia tài, ngày càng đồ sộ như hiện nay, quả thật đã là một kỳ công hiếm có trong lịch sử!*"

Kỳ công khai hóa ấy của Đức ông Lễ - Thành - Hào Nguyễn Hữu Cảnh không những đã được hậu thế tôn vinh nêu danh ông ở khắp các vùng miền Lục tỉnh, mà Ông còn được nhân dân truyền tụng nhớ ơn, lập đền thờ nhiều nhất ở miền Nam này; Kể

cả người Trung Hoa, người Chân Lạp cũng đều trọng vọng kính thờ, đặc biệt là đâu đâu Lê Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh cũng được tôn vinh làm "Thượng Đẳng Thần". Ngay tại miếu cổ Nam Vang cũng có sắc thờ truy phong: "Đương Cảnh Thành Hoàng".

Quý hóa hơn nữa, người đời sau đã lấy cả chức vụ Chương Cơ của Ông để đặt tên cho Xã, Ấp, dòng sông như Cù Lao Ông Chương, Châu Lê Công, dòng Ông Chương... Lại còn đặc sắc thắm thía như nhiều nơi chỉ dùng một chữ Ông không thôi: Dinh Ông, Miếu Ông, Đèn Ông... thì nội vùng đó, ai ai cũng đều hiểu ngay đây là Ông Lớn Lê Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh. Như vậy cho chúng ta thấy rõ uy đức khi còn sanh tiền của vị Thượng Tướng ấy sâu đậm như thế nào mới lôi cuốn được sự sùng kính nhớ ơn kéo dài trong lòng người suốt 3 thế kỷ nay! Và hẳn nhiên sẽ còn lưu truyền mãi về sau này nữa...

Để tìm hiểu sâu xa, rành mạch hơn về Thượng Đẳng Thần Lê Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh, không gì bằng theo vết tích Ông trong sử sách, trong sưu khảo ở khắp các vùng Quảng Bình, Cù Lao Phố, Tiền Giang, Hậu Giang v.v...

Soạn giả rất hân hạnh được làm hướng dẫn viên hầu quý độc giả xem qua đoạn tiểu sử, rồi bắt đầu cuộc hành hương kính viếng các đền thờ của Đức Ông Lê Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh. Đồng thời cũng mong đợi ở các bậc thức giả gần xa sẵn lòng phủ chính cho những sai sót lỗi lầm không tránh khỏi ở tập sách này.

Minh Minh Thư Uyên, Dầu Thu Quý Dậu (1993)

NHU HIÊN NGUYỄN NGỌC HIÊN

CHƯƠNG I

TIỂU SỬ - NGUỒN GỐC
LÊ THÀNH HẦU
NGUYỄN HỮU CẢNH

- (1) Gia đình ông Việt An (tên thật là Nguyễn Hữu Cảnh) quê ở làng Xuân Hòa, xã Xuân Hòa, huyện Xuân Hòa, tỉnh Xuân Hòa, Việt Nam. Ông Việt An là một nhà nho, đỗ Cử nhân năm 1892, làm quan trong triều đình Huế. Ông Việt An có một con trai là Nguyễn Hữu Cảnh, sinh năm 1902, tại làng Xuân Hòa, xã Xuân Hòa, huyện Xuân Hòa, tỉnh Xuân Hòa, Việt Nam.
- (2) Ông Việt An mất năm 1915, để lại gia sản cho Nguyễn Hữu Cảnh. Nguyễn Hữu Cảnh sống ở quê nhà, học chữ Hán và chữ Nôm. Ông Hữu Cảnh có một người em gái là Nguyễn Hữu Thị Hương, sinh năm 1905, tại làng Xuân Hòa, xã Xuân Hòa, huyện Xuân Hòa, tỉnh Xuân Hòa, Việt Nam.
- (3) Ông Hữu Cảnh sống ở quê nhà cho đến năm 1945, khi ông chuyển ra làm việc tại Bộ Quốc gia Giáo dục, Hà Nội. Ông Hữu Cảnh làm việc tại Bộ Quốc gia Giáo dục cho đến năm 1954, khi ông chuyển ra làm việc tại Bộ Văn hóa, Hà Nội. Ông Hữu Cảnh làm việc tại Bộ Văn hóa cho đến năm 1960, khi ông chuyển ra làm việc tại Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hà Nội. Ông Hữu Cảnh làm việc tại Bộ Giáo dục và Đào tạo cho đến năm 1975, khi ông chuyển ra làm việc tại Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Hà Nội. Ông Hữu Cảnh làm việc tại Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cho đến năm 1980, khi ông chuyển ra làm việc tại Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Hà Nội.

1. TÊN THẬT, NĂM SINH, QUÊ QUÁN, GIA ĐÌNH LỄ THÀNH HẦU NGUYỄN HỮU CẢNH

Lễ Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh, là một kiệt tướng đời Chúa Minh, Nguyễn Phúc Chu (Hiển Tông Hiếu Minh Hoàng đế 1691-1725).

Ông tên thật là Nguyễn Hữu Thành húy Kính (Cảnh). Từ xưa, các sử liệu chưa hề ghi tên Thành bao giờ; ngay trong Đại-Nam Liệt Truyện Tiền-Biên hay Đại-Nam Thực Lục Tiền Biên cũng chỉ viết tên Ông là Nguyễn Hữu Kính (Cảnh).

May mắn mới đây do cố công sưu khảo, chúng tôi tìm biết và chụp ảnh được một trang trong tập gia phả còn bảo tồn trong một tư gia hậu duệ dòng Nguyễn Hữu ở Vạn Xuân Quảng Bình⁽¹⁾.

Trang gia phả này ghi rõ hàng chữ Nho tên ông là Nguyễn Hữu Thành húy Kính (Cảnh) (既有成諱鏡). Căn cứ ở đây, thấy rằng: Thành chỉ là tên ghi trong gia phả; mà Kính mới chính là tên húy của Ông.⁽²⁾

Phần đông người Việt hay kiêng tên húy⁽³⁾. Do đó Kính được gọi chệch ra là Cảnh. Về sau nhân dân miền Nam quá trọng vọng Ông, họ đã tự động húy cả hai tên: Kính gọi là Kiến hoặc Kiểng, Cảnh gọi là Kiểng (Chợ Tân Kiểng, chầu Kiểng).

(1) Gia phả dòng Vĩnh An Hầu Nguyễn Hữu Kính ở Quảng Bình, nguyên văn chữ Hán. Hiện do hậu duệ Nguyễn Hữu Miễn và Nguyễn Hữu Tiến lưu giữ. Phả này đã được lược dịch ra Quốc Ngữ năm 1992. Người dịch: Nhà sư Thích Trí Cảnh, hội Phật Giáo tỉnh Quảng Bình. Người chép: Kỹ sư Nguyễn Hữu Sinh (hậu duệ dòng Nguyễn Hữu) (Xem một tờ trong bộ gia phả dòng Nguyễn Hữu bằng chữ Hán ở phụ lục 4. Người chụp bản sao: Ông Nguyễn Cương, Phó ban trực Hiệp hội Đồng Hương Quảng Bình).

(2) Soạn giả xin nói rõ về tên thật của Lễ Thành Hầu mà Ông Võ Khắc Vui vừa nêu trên báo Xưa & Nay rất đúng theo cách đọc chữ Hán. Nhưng soạn giả vẫn phải giữ nguyên chữ Cảnh cho phù hợp với tên đề ở các trường học, đường xá, đền miếu tôn thờ LỄ THÀNH HẦU NGUYỄN HỮU CẢNH ở toàn miền Nam đã ghi như vậy.

(3) Gọi nôm na là tên cúng cơm, dành cho những ai khi mất rồi, được thân nhân cúng kỵ khấn vái bằng tên húy của người ấy.

Mãi khi ông mất rồi, người đời sau chép tiểu sử mới dám viết rõ tên ông là Nguyễn Hữu Cảnh. Như bây giờ thường thấy tên Ông được ghi trước các đền thờ Ông ở khắp miền Nam là NGUYỄN HỮU CẢNH. Còn tên húy là Kính chỉ được nêu ở quê hương Quảng Bình mà thôi. ⁽¹⁾

Theo truyền thống dân gian xưa Ông cũng có một tộc danh là Lê. Vì thế, khi ở chức Cai Cơ, Ông được Chúa ban tước Hầu đặt là Lê Tài Hầu, Lê Thành Hầu; Đây là lần đầu tiên thấy tên Thành của Nguyễn Hữu Cảnh đã được Chúa lấy đặt tước là Lê Thành Hầu; Tước vị này có từ 1692 hay trước nữa⁽²⁾.

Nhân đó để tỏ lòng kính trọng Ông, dân chúng vùng Đàng Trong ngày ấy đều xưng tụng Ông là Lê Công. Sau này danh tước Lê lại được đại chúng hóa một cách vừa thân thương vừa tôn quý như: Chưởng Dinh Lê, Ông Chưởng Lê, Thượng Đẳng Lê ...

Ngày xưa, khi còn trong quân ngũ, Ông cũng có một biệt danh là Hắc Hổ, tục truyền vì ông có tướng mạo hùng dũng với nước da đồng đen; Hợp lý hơn vì Ông tuổi Dần, cầm tinh con hổ.

LTH⁽³⁾ Nguyễn Hữu Cảnh sinh năm Canh Dần (1650) tại một nơi mà sau này gọi là thôn Phước Long, xã Chương Tín, huyện Phong Lộc, tỉnh Quảng Bình. Ông mất năm Canh Thìn (1700) tại Rạch Gầm, (Ngã Ba Tiền Giang) Đình cũ tại Cù Lao Phố Đồng Nai (Biên Hòa) thọ 51 tuổi⁽⁴⁾ được truy tặng Đặc Tấn Chưởng Dinh Tráng Hoàn Hầu, thụy là Trung Cần (gia phả ghi tước và thụy được truy tặng lần sau chót là Vĩnh An Hầu, thụy Cương Trực).

(1) Cuốn sưu khảo này cũng xin được lấy danh tước của ông đã nêu ở miền Nam xưa nay: Lê Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh.

(2) Cách ban tước cho quan chức dưới triều Chúa Nguyễn thường lấy chánh danh hay tộc danh của Vị đó mà đặt tước, như:

- Nguyễn Hữu Hào được ban tước: Hào Lương Hầu.
- Nguyễn Hữu Thành (Cảnh) có tộc danh Lê được tước Lê Thành Hầu.
- Nguyễn Văn Thoại (Thụy) được ban tước Thoại Ngọc Hầu.

(3) Vì còn viết danh tước Lê Thành Hầu rất nhiều lần, vậy kể từ trang này xin được viết tắt LTH.

(4) Tính theo Âm lịch thì ông thọ 51 tuổi.

Theo gia phả⁽¹⁾: LTH Nguyễn Hữu Cảnh là cháu nội của quan Tham Chiến Triều Văn Hầu Nguyễn Triều Văn, cha của LTH là Chiêu Vũ Hầu Nguyễn Hữu Dật⁽²⁾ và mẹ là bà Nguyễn Thị Thiện.

Chiêu Vũ Hầu Nguyễn Hữu Dật xưa có tài kiêm toàn văn võ; Ông là một danh thần Triều Chúa Sãi, và là tác giả thi tập “Hoa Vân Cáo Thi” ở tiền hậu bán thế kỷ 17. LTH Nguyễn Hữu Cảnh có 4 anh em cùng cha cùng mẹ là:

- Anh trưởng, Hào Lương Hầu Nguyễn Hữu Hào, (còn gọi là Nguyễn Hữu Bằng), ông Hào cũng là một danh tướng triều Chúa Nguyễn và là tác giả thi phẩm “Song Tinh Bát Dạ” ở đầu thế kỷ 18.⁽³⁾

- Anh thứ hai là Trung Thắng Hầu.

- LTH Nguyễn Hữu Cảnh là thứ ba.

- Người thứ tư là Tín Đức Hầu Nguyễn Hữu Khắc, chức Trấn Vũ Chương Doanh. Ngoài ra LTH còn có 8 người em trai là con cùng cha khác mẹ với ông nữa,⁽⁴⁾ như Nguyễn Hữu Dũng, Nguyễn Hữu Bích... (Chi này là con bà Trương Thị Ban (Lựu) ở Quảng Nam).⁽⁵⁾

Vẫn theo gia phả, LTH Nguyễn Hữu Cảnh có ba phu nhân, tất cả sinh được 4 trai, 1 gái.⁽⁶⁾

* Chánh thất tên là Nguyễn Quý Thơm hiệu Ngọc Yến, bà được gia tặng mệnh phụ Kim Triều Chiêu Dung Nhã phu nhân⁽⁷⁾.

* Thứ thất: Duyên phu nhân họ Nguyễn, sinh 2 trai đầu.

(1) Theo gia phả dòng Vĩnh An Hầu Nguyễn Hữu Cảnh (bản gốc chữ Hán).

(2) Xem phụ lục 1 (tiểu truyện Chiêu Vũ Hầu Nguyễn Hữu Dật).

(3) Xem phụ lục 2 (tiểu truyện Hào Lương Hầu Nguyễn Hữu Hào).

(4) LTH Nguyễn Hữu Cảnh có đông anh em, nhưng ngay ở gia phả cũng chỉ nhắc nhiều đến hai ông Hữu Hào và Hữu Cảnh mà thôi.

(5) Theo tư liệu của hậu duệ: Nguyễn Hữu Hạnh, Nguyễn Luyện Quảng Nam Đà Nẵng.

(6) Theo chính phả Vĩnh An Hầu; Còn gia phả dòng Phước môn lại chép: Ông có 6 người con: 4 trai, 2 gái.

(7) Truyền tụng ở quê hương: Chánh thất phu nhân LTH là Thơm, hiệu Ngọc Yến, xưa là người rất hiền thực, hòa nhã được gia tặng là Nhã phu nhân cùng tước vị trên.

* Thứ thất hai: Liễu phu nhân họ Đinh, sinh 2 trai, 1 gái.

Người con trai đầu của LTH Nguyễn Hữu Cảnh với bà thứ thất họ Nguyễn, tên Ông là Nguyễn Hữu Tú tước Thanh Nghị Hầu, chức Chưởng Cơ trấn thủ, kiêm phụ quốc Thượng tướng quân đời Chúa Minh (Hiển tôn Hiếu Minh Hoàng Đế và Túc Tôn Hiếu Ninh Hoàng Đế (1725-1733).

2. Nguồn gốc Nguyễn Tộc

Truy cứu về nguồn gốc của LTH Nguyễn Hữu Cảnh vốn là di duệ của bậc đệ nhất khai quốc công thần Úc trai Nguyễn Trãi (1380-1442). Còn khởi tổ của LTH Nguyễn Hữu Cảnh là Định quốc Công Nguyễn Bặc (904-979), vị Công thần Khai Quốc Nguyên Huân⁽¹⁾ triều nhà Đinh quán ở Hoa Lư, Châu Đại Hoàng (sau là Đại Hữu Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình). Nhưng dòng dõi của khởi tổ Nguyễn Bặc về sau này lại có quê ở Gia Miêu Ngoại Trang, Tống Sơn tỉnh Thanh Hóa. Đến nay (1992) hiện ở Từ đường khởi Tổ Nguyễn Bặc vẫn còn bức Hoàn Phi có 3 chữ đại tự 起元堂 (Khởi Nguyên Đường) dịch nghĩa: Từ đường khởi đầu (họ Nguyễn), chung quanh bãi đường cũng còn treo thờ rất nhiều câu đối, thơ văn từ đời Lê Thánh Tông (1460-1494) đã truy tặng. Đặc biệt hai bên cung nghiêm là đôi liễn, với ngụ ý đánh dấu việc thiên cư của tộc Nguyễn từ Đại-Hữu, Ninh Bình đến Gia-miêu, Thanh Hóa:

Nguyên văn: 裔出嘉苗玉踏顯
慶流大有相門光

(1) Xem gia phả họ Nguyễn ở Hải Hậu Nam Định (hậu duệ thi sĩ Nguyễn Hải Phương lưu giữ bản sao). Trước khi tái bản, soạn giả được truy cứu thêm phả Nguyễn Tộc (gia phả Đại Tông) Cao Bằng Lạng Sơn (hậu duệ Bế Nguyễn Du giữ phả gốc do Tổ Nguyễn Như Trác chép từ đầu thế kỷ 16, rút từ "Kim Thành Phả Ký" được cất giấu đem theo khi lánh nạn Lê Chi Viên).

Phiên âm:

*Duyệt xuất Gia Miêu Vương tích hiển
Khánh lưu Đại Hữu Tướng môn quang*

Dịch nghĩa:

*Cửa Tướng phúc dầy thôn Đại Hữu
Dòng Vương nối tiếp đất Gia Miêu.*

Bảng sơ lược phổ hệ (Bảng 1)

Từ khởi tổ (tức tiền tổ) Nguyễn Bặc
xuống đến đời thứ 10 là Nguyễn Ứng Long - Phi Khanh⁽¹⁾

1- Nguyễn Bặc	Định Quốc Công, công thần Khai quốc nguyên huân triều nhà Đinh (ngài bị giết vì chống Lê Hoàn).
↓	
2- Nguyễn Đê	Đô Kiểm Hiệu phò 3 triều : Đinh, Lê, Lý (đến khi cha là Nguyễn Bặc bị sát hại, ông đã cùng em là Nguyễn Đạt bỏ trốn qua Bắc Giang, dần dần lập nên hai chi họ Nguyễn ở Kinh Bắc và Sơn Nam (Hà Đông).
↓	
3- Nguyễn Viên	Tả Quốc Công Tham tri chính sự nhà Tiền Lê.
↓	
4- Nguyễn Phụng	Tả Đô Đốc đời Lý-Anh-Tông 1145.
↓	
5- Nguyễn Nộn	Đời Lý (1210) đi ở ẩn chùa Phù dục Kinh Bắc; Đời Trần được phong Hoài Đạo Hiếu Vũ Vương, lấy Công chúa Ngoạn Thiềm nhà Trần.
↓	

(1) Bảng lược phổ này được truy cứu ở các thế phả, gia phả Nguyễn Tộc thuộc các chi : Thanh Hóa, Hà Đông, Ninh Bình, Nam Định và Cao Bằng. Chính phả Cao Bằng đã được mời ra minh chứng trước Liên Hiệp Quốc : Việt Nam và Unesco, nhân lễ kỷ niệm 600 năm ngày sinh Tổ Úc Trai (1380-1980) cũng như đã quyết định ghi Đức Nguyễn Trai vào danh sách Danh nhân Thế giới.

- 6- Nguyễn Thế Tứ Đô Hiệu Điểm triều Trần 1225-1257
↓
- 7- Nguyễn Nạp Hòa ⁽¹⁾ Bình Nam Đại tướng quân triều
Trần qua các niên kỷ từ 1314-1377.
↓
- 8- Nguyễn Công Luật Hữu Hiệu Điểm cuối triều Trần
(cụ Công Luật còn có tên là Phi Loan)
sau bị nhà Hồ giết hại nhiều thân
quyển.
↓
- 9- Nguyễn Minh Du Quản quân Thiết Hồ (Trần phế đế
1398 - 1399) bị giết năm 1399, trong
vụ thảm sát ở thành Tây Đô.
↓
- 10- Nguyễn Ứng Long ⁽²⁾ Phi Khanh 1355 (Ât mùi) quê ở Chi
ngại Hải dương, đỗ tiến sĩ đời vua Trần Duệ Tông 1374.
Khi đỗ rồi ông vẫn đi dạy học. Sau được bổ chức Kiểm
chính (một chức quan nhỏ đời nhà Trần). Năm 1401 làm
quan đời nhà Hồ. Khi giặc Minh xâm lăng ông bị bắt qua
Yên kinh giam tại Vạn Sơn Điểm (Hồ Bắc, Trung Quốc).
Truyền khi mất, ông được an táng tại quê nhà ở phía nam
núi Bái Vọng, Chi Ngại, Hải Dương. Chánh thất của ông
là bà Trần Thị Thái, con gái thứ ba quan Tư đồ Trần

(1) Riêng trong Tôn phả, ở đời thứ 7 không ghi tên tổ Nguyễn Nạp Hoà. (*theo thiển kiến*) hẳn là sự ghi chép riêng của từng ngành trực hệ; như ở thế phả khởi tổ ghi Tổ Nguyễn Thế Tứ có những 9 người con mà chỉ chép rõ tông tộc của vài người mà thôi.

(2) Nhiều gia phả cũng như Tôn phả không ghi tên Tổ Nguyễn Ứng Long và Nguyễn Trãi. Nguyên dochi này theo nhà Hồ mà tổ tiên (Nguyễn Công Luật) lại bị nhà Hồ giết, nên chi họ Nguyễn Ứng Long bị khai trừ khỏi Nguyễn Đại Tông. Về sau nhờ cuộc khởi nghĩa Lam Sơn thành công. Nguễn Tộc xét lại cho chi Nguyễn Ứng Long được khôi phục dòng họ nhưng sự xóa tên ở các gia phả nhiều chi vẫn để vậy. Phả còn có một trường hợp của chi Nguyễn Thuyên, Nguyễn Quyện là vị Tổ của nhà thơ lớn Nguyễn Du, vẫn chưa được khôi phục vào Nguyễn Đại Tông vì tội theo Mạc Đăng Dung. (Xem gia phả và Văn Học VN của Bùi Văn Nguyên, t.179-192)

Nguyễn Đán quê ở Nhị Khê, Hà Đông. Ông bà được 6 trai, người thứ hai là Nguyễn Trãi. Kế thất của ông người họ Nhữ, bà quê ở Mộc Châu, Đông Sơn, Thanh Hóa, bà sinh 2 con trai với Phi Khanh, đặt tên là Nhữ Soạn và Nhữ Trạch⁽¹⁾ (em cùng cha khác mẹ với Nguyễn Trãi).

Cuối đời tiền Tổ là Nguyễn Ứng Long, tiếp đến đầu đời hậu Tổ là Nguyễn Trãi, quãng thời gian này trong phả khởi nguyên đường có ghi: "... Từ vụ án Lệ Chi Viên ! Để giữ bí mật dòng dõi của hậu Tổ Nguyễn Trãi, nên mỗi khi viết tộc phả, từng chi đã phải tùy tiện chép sai, cố tình ghi sai lệch cả thế thứ; thậm chí có nhiều chi phái còn ém gia phả không chép tiếp nữa; hoặc nhiều ngành đã bôi hẩn tên Nguyễn Ứng Long và Nguyễn Trãi, hoặc lấy tên Tổ khác điền vào⁽²⁾ như trường hợp thế phả ở Bông Trung-Thanh Hóa thì hệ 10 đã thay bằng tên Tổ Nguyễn Biện; còn như ở tôn phả thì Tổ Nguyễn Biện lại là hệ thứ 8!⁽³⁾

(1) Có sách viết Nhữ Soạn và Nhữ Trạch là con của Nguyễn Trãi với bà thiếp họ Nhữ này. Nhưng xét rằng nên căn cứ ở gia phả thì hơn: phả chép bà họ Nhữ là kế thất của Phi Khanh Nguyễn Ứng Long.

(2) Trích 4 hàng trong thế phả họ Nguyễn ở Hải Hậu. Thế phả này đã được dịch từ bản Hán văn chánh gốc tại nhà thờ Khởi Nguyên Đường ở Đại Hữu Ninh Bình.

(3) Vì nhận thấy các gia phả, ngay cả Tôn phả thuộc họ Nguyễn cũng ghi chép sai lệch; hoặc không đồng nhất. Nơi đây soạn giả đã sưu tầm, vậy xin ghi lại có phân tách tỉ mỉ từ nguồn gốc tộc Nguyễn cũng như dòng Nguyễn Hữu thuộc hậu Tổ Nguyễn Trãi cốt ý nêu minh chứng về thế thứ trong phả hệ dòng Nguyễn, rất mong được cùng quý vị tham khảo tìm biết thêm phần nào:

- Vì sao dòng tộc Nguyễn Hữu có nhiều quê hương, sinh quán khác nhau ?

- Nhiều chi phái sai lệch phức tạp ?

Và cũng bởi lâu nay đa số chúng ta rất thắc mắc về sự liên hệ phả tộc giữa hai anh em Đức ông Nguyễn Hữu Hào + Nguyễn Hữu Cảnh :

- Với Úc trai Nguyễn Trãi

- Với ngành Nguyễn Phước Tộc và

- Với khởi Tổ Nguyễn Bặc

Tuy nhiên trong phả hệ này cũng còn phải chờ những phát hiện khác nữa ở các thế gia, thế tộc... cùng sự phủ chính của các bậc thức giả gần xa góp ý, may ra có sự chính xác hơn.

Ngay đến gia phả dòng LTH Nguyễn Hữu Cảnh (phần chữ Hán) khi viết về khoảng này, tiên nhân cũng chỉ ghi mập mờ, không dám nêu tên Tổ Nguyễn Trãi! Hiện tại, soạn giả đã phải truy cứu nhiều gia phả, thế phả; để có cơ sở mạnh dạn lược kê tiếp xuống dòng Nguyễn Hữu, nhất là có được phần ăn khớp với chánh phả dòng LTH Nguyễn Hữu Cảnh ở Quảng Bình.

3. Phả hệ dòng Nguyễn Hữu

Tính từ hậu Tổ Ưc trai Nguyễn Trãi 1380 đến LTH Nguyễn Hữu Cảnh 1650: được 270 năm, tiếp nối 9 thế hệ⁽¹⁾ phần đông được sinh ra và làm quan dưới triều Lê, đều có công to, danh lớn; nhưng đến 3 thế hệ sau kể từ đời Triều Văn Hào Nguyễn Triều Văn lại phò Chúa Nguyễn. Trãi 6 triều Chúa, từ Chúa Tiên Nguyễn Hoàng (1558-1613) đến Chúa Minh Nguyễn Phúc Chu 1691-1725. Trong thời gian 142 năm ấy⁽²⁾, tất cả ông cháu, cha con, anh em dòng Nguyễn Hữu đã lập nên nhiều công nghiệp thật kỳ vĩ, nêu những thành tích rạng rỡ núi sông. Nhất là Đàng Trong, miền Nam nước Đại Việt ở cuối thế kỷ 17.

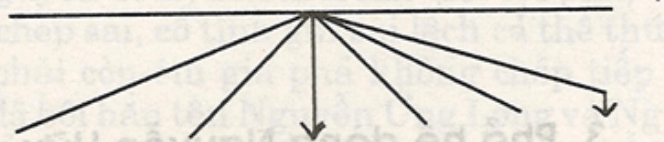
(1) Ghi theo gia phả Nguyễn Đại Tông.

(2) Số này tính từ khi Triều Văn Hào Nguyễn Triều Văn phò Chúa Nguyễn 1558 (năm Chúa Nguyễn bắt đầu vào Đàng trong) đến năm 1700 là năm LTH Nguyễn Hữu Cảnh mất ở miền Tây Nam Bộ.

Dưới đây là sơ đồ dòng Nguyễn Hữu, kể từ hậu tổ của Nguyễn tộc là Ưc Trai Nguyễn Trãi(1) được ghi bằng số 1; còn những số 11, 12... trong vòng tròn ở những trang 39, 40, 41 là tính theo tiên Tổ Định Quốc Công Nguyễn Bặc:

Bảng Lược Phả Dòng Nguyễn Hữu (Bảng 2)

1. Nguyễn Trãi (hiệu Ưc trai)⁽²⁾



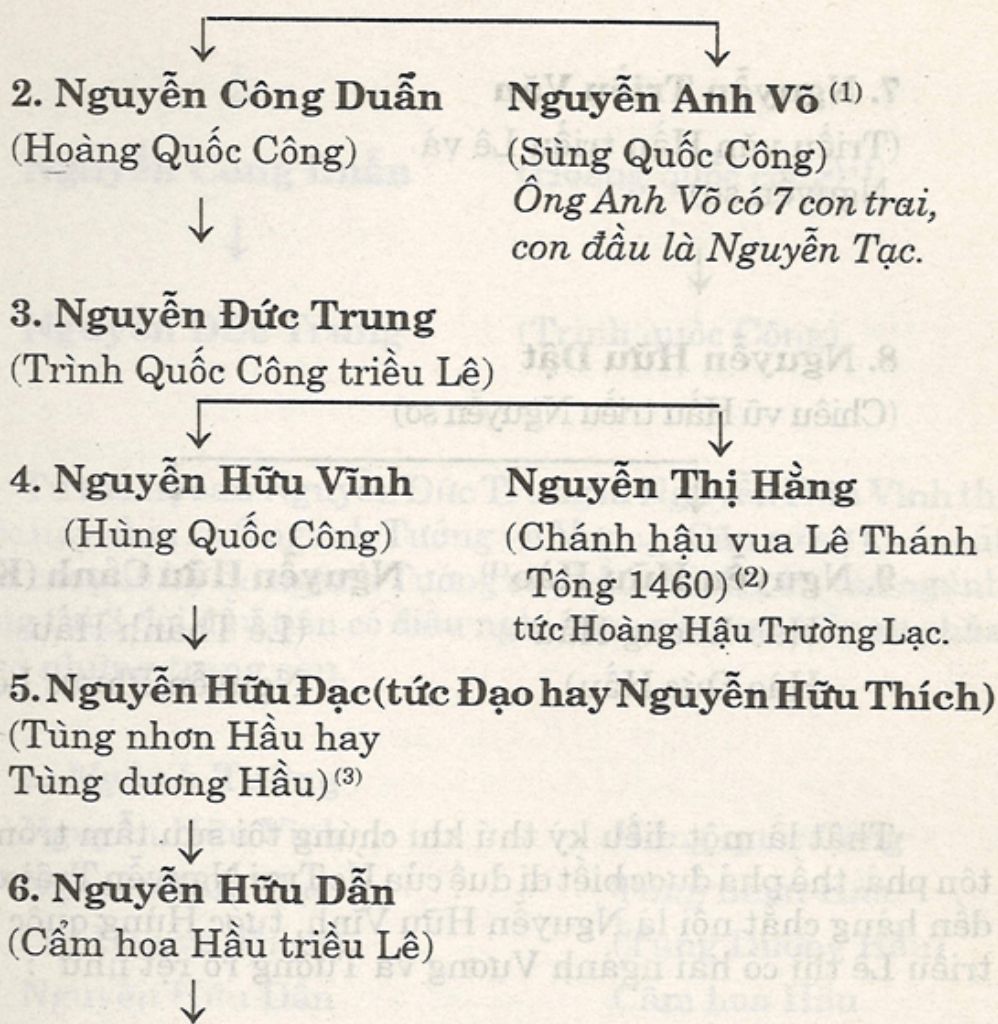
(1) Đức Nguyễn Trãi có hiệu là Ưc Trai. Đời Lê Thái Tổ (Lê Lợi) Ông được Vua phong tước Quan Phục Hầu, Đại Phu Nhập Nội Hành khiển... Năm 1442 mắc họa oan ức đã cùng gia tộc phải chết thảm!

Mãi 22 năm sau, đời Lê Thánh Tôn mới rõ nỗi oan. Nhà vua xuống chiếu minh oan cho Công thần Nguyễn Trãi và truy tặng chức Tán Trụ Bá, Thái Sư Tuệ Quốc Công. (Xem Ưc Trai Tướng Công di tập Dư Địa Chí trang 18-Dịch giả: Á Nam Trần Tuấn Khải (Sài Gòn xuất bản 1966). Các đời sau cũng đã truy phong cho Ưc trai Nguyễn Trãi là Tế Văn Hầu. Đến vua Lê Hiến Tông (1497-1501) có sắc truy tặng Ưc trai Nguyễn Trãi là: Nhị Khê Nguyễn Tướng Công (Nhị Khê Hầu) Thái Bảo Khê Quận Công... Tước này có ý nhắc lại chức Thái Sư xưa - và chữ Khê lấy ý Quận Công người Nhị Khê; do tước vị này nhân dân Nhị Khê thời đó kính cẩn tụng ông là Nhị Khê Hầu. Về sau trong Điển Tích Danh nhân của Trịnh Văn Thanh mục Nguyễn Hữu Dật trang 342 cũng đã nêu tước ông là Nhị Khê Hầu.

(2) Ưc Trai Nguyễn Trãi là bậc đệ Nhất Khai quốc công thần triều Lê Thái Tổ (1428-1433) Nguyễn Trãi cùng với bản hùng văn "Bình Ngô Đại Cáo" vẫn còn sống mãi với đất nước Việt Nam; Danh của Ngài đã lừng vang thế giới, vậy mà oan khiên thay, Ngài đã phải gánh nạn tru di tam tộc! Thảm họa này xảy ra ngay ở đời con của vua Lê Thái Tổ mà chính Nguyễn Trãi đã được vua Thái Tổ ân sủng ban cho họ Lê, gọi là Lê Trãi, mới đây, chúng tôi vừa tìm thấy tại nhà hậu duệ Nguyễn Hữu Cư tám bảng chữ Hán dịch: Nguyễn Công Trãi - Lê Trãi.

(阮公鷹 黎鷹)

* Phả đồ Nguyễn Đại Tông ghi rõ Nguyễn Trãi có 6 người con trai. Hai mũi tên chỉ về hai người con sống sót: Người thứ ba là Nguyễn Công Duẩn và người thứ sáu là Nguyễn Anh Võ. Nhưng theo Vương phả thì ghi Đức Ông Nguyễn Công Duẩn trực thuộc dòng Tổ Nguyễn Biện (chứng tỏ nhiều phả ghi khác nhau và càng cần có sự sưu khảo đính chính tiếp).



- (1) Ngày 16 tháng 8 canh thân (19-9-1442) cùng lãnh án tru di với Nguyễn Trãi, ngoài bà thứ thiếp Nguyễn Thị Lộ, còn có bà chánh thất họ Trần cùng con cháu dòng tộc. May mắn lúc đó có 2 bà thứ thất trốn thoát: bà họ Phùng, người Hà Đông cùng 2 con trai chạy biệt tích và một bà họ Phạm cũng người Hà Đông, lúc ấy đang mang thai đã dắt theo được người con gái 6 tuổi tên là Nguyễn Thị Đào (bào thai ấy sau này là Nguyễn Anh Võ, người con út sống sót của Nguyễn Trãi (Về hậu duệ của Nguyễn Anh Võ sẽ sơ khảo ở một dịp khác).
- (2) Bà Nguyễn thị Hằng (hiệu Ngọc Huyền) vào cung năm 1460 với chức Sùng Nghi - 1461 ở cung Vinh Ninh. Sau bà là Chánh Hậu vua Lê Thánh Tông (1460-1494). Bà sinh ra Thái Tử Tranh (Tảng) 1461 tức vua Hiến Tông 1497-1504. Bà Ngọc Huyền là chất nội của Úc Trai Nguyễn Trãi.
3. Dòng Nguyễn Hữu bắt đầu vào Đàng Trong từ thế kỷ 16 là Tùng Nhưn Hầu Nguyễn Hữu Đạc (tự Thích) và người anh là Nguyễn Hữu Dịch.

7. Nguyễn Triều Văn

(Triều văn Hầu triều Lê và
Nguyễn sơ)

**8. Nguyễn Hữu Dật**

(Chiêu vũ Hầu triều Nguyễn sơ)

**9. Nguyễn Hữu Hào⁽¹⁾**

(Hào Lương Hầu
Hào Đức Hầu)

Nguyễn Hữu Cảnh (Kính)

(Lễ Thành Hầu
Nguyễn Phước Lễ)

Thật là một điều kỳ thú khi chúng tôi sưu tầm trong các tôn phả, thế phả được biết di duệ của Úc Trai Nguyễn Trãi xuống đến hàng chắt nội là Nguyễn Hữu Vĩnh, tước Hùng quốc Công triều Lê thì có hai ngành Vương và Tướng rõ rệt như :

Bảng Lược Phả Kê Cửu (Bảng 3)**Úc Trai Nguyễn Trãi (Quan Phục Hầu triều Lê Thái Tổ)**

(1) Để tránh sự hiểu nhầm về danh tánh; Bởi Nhạc Phụ của Cự Hoàng Bảo Đại tức thân phụ của Nam Phương Hoàng Hậu cũng có tên là Nguyễn Hữu Hào, nhưng là người miền Nam thuộc thế kỷ 19. Còn Nguyễn Hữu Hào viết ở sách này là người miền Bắc thuộc thế kỷ 17.

↓

Nguyễn Công Duãn (Hoàng quốc công)⁽¹⁾

↓

Nguyễn Đức Trung (Trinh quốc Công)

Từ thế hệ sau Nguyễn Đức Trung là Nguyễn Hữu Vĩnh thì họ tộc này chia ra 2 ngành Tướng và Vương. Căn cứ sự khảo sát tất cả các phổ hệ thì ngành Tướng có phần chính xác, còn ngành Vương thì 3 đời đầu tiên có điều nghi vấn, xin xem tiếp sự phân tách ở những trang sau.

a. Ngành Tướng

Nguyễn Hữu Vĩnh	-	Hùng quốc Công
Nguyễn Hữu Đạo	-	Tùng nhơn Hầu
(tự Đạo và Thích)		(Tùng Dương Hầu)
Nguyễn Hữu Dẫn	-	Cầm hoa Hầu

(1) Ông có nhiều tên: Doãn, Duãn, Công Chuẩn. So sánh các thế phả, tôn phả đều ghi tên ông rất đúng, nhưng phả hệ có sự sai lệch; cần được xét lại. Theo phả ở Hải Hậu và một số truyện dã sử đều truyền tụng: Nguyễn Công Chuẩn tức Hồng Quý là con trai thứ 3 của Úc trai Nguyễn Trãi do phu nhân chánh thất là bà Trần Thị Thành có sách viết là Trần Thị Ngọc Diễm sinh 3 trai: Nguyễn Cương (Hồng Tiệm) Nguyễn Dã (Hồng Lục) Nguyễn Duãn (Hồng Quý). Trước kia Ông Duãn đã cùng cha giúp vua Lê Lợi, Ông được vua phong tước Giả Định Hầu.

Khi nhà gặp biến, ông ở nơi khác nên đã cùng gia quyến chạy thoát và mai danh ẩn tích rất lâu! Người ta cho rằng ông đã chết hoặc đã mất tích. Nay xem gia phả mới rõ ông mất ngày 7 tháng 7. Đời sau truy tặng ông tước Hoàng Quốc Công.

Nguyễn Triều Văn	-	Triều văn Hầu
Nguyễn Hữu Dật	-	Chiêu vũ Hầu
Nguyễn Hữu Hào	-	Hào lương Hầu
Nguyễn Hữu Cảnh	-	Lễ Thành Hầu

(b) Ngành Vương⁽¹⁾

Nguyễn Văn Lang	-	Nghĩa Huân Vương
Nguyễn Hoàng Dụ	-	An hòa Hầu
Nguyễn Kim	-	An thành Hầu (1468-1545)
Nguyễn Hoàng	-	Chúa Tiên (1600-1613)
Nguyễn Phúc Nguyên	-	Chúa Sãi (1613-1635)
Nguyễn Phúc Lan	-	Chúa Thượng (1635-1648)
Nguyễn Phúc Tần	-	Chúa Hiền (1648-1687)

A- VỀ NGÀNH TƯỚNG: sự ghi chép lược phả ngành Tướng trên được nghiên cứu từ các sách đã dẫn⁽²⁾ cùng các gia phả như:

- Gia phả dòng Vĩnh An Hầu Nguyễn Hữu Cảnh, do hậu duệ Nguyễn Hữu Tiên- Nguyễn Hữu Sinh lưu trữ ở Quảng Bình.
- Gia phả dòng Nguyễn Triều Văn (bản Hán văn do hậu duệ Nguyễn Hữu Sanh - Nguyễn Hữu Huỳnh lưu trữ tại nhà thờ họ Nguyễn Hữu ở xóm Trường Cử Phú Xuân - Huế).

(1) Để tiện bề truy cứu xin ghi cả phần sai lệch như trên theo Vương Phả soạn từ 1992 trở về trước. Nhưng mới đây 1995 đã sửa lại. Còn theo Nguyễn Tộc phả Đại Tông (Hán và Việt) của ông Bé Nguyễn Du, đại diện dòng Tổ Nguyễn Như Trác. Ông Du đã đồng ý với soạn giả: "Phả ngành Vương cũ ghi như trên có sai phần đầu, nhưng đó lại là sự cố tình viết sai của tiền nhân hầu giữ bí mật ngành Chúa". Đón xem bộ Phả Tộc Nguyễn sắp lưu hành nội bộ, sẽ thấy đầy đủ chi tiết.

(2) Các sách ghi LTH Nguyễn Hữu Cảnh là di duệ Ưc Trai Nguyễn Trãi gồm có:

- Thành ngữ điển tích danh nhân từ điển của G.S Trịnh Văn Thanh trang 842. XB 7-1966.
- Việt Sử Xứ Đàng Trong của Phan Khoang trang 173.
- Dõi tìm tông tích người xưa (tư liệu chưa XB) của gia phả học Dã Lan Nguyễn Đức Dụ.
- Phả Nguyễn Đại Tông rút từ "Kim Thành phả ký" thuộc thế kỷ XVI.

- Thế phả họ Nguyễn Hữu, Nguyễn Xuân Hà Nam (do hậu duệ Nguyễn Hữu Chi và BS. Nguyễn Cường Nam lưu trữ).

- Thế phả họ Nguyễn, chi Hải Hậu Nam Định (hậu duệ nhà thơ Hải Phương lưu trữ)⁽¹⁾.

- Thế phả họ Nguyễn, chi Bồng Trung Thanh Hóa (do G.S Lê Văn Anh, hậu duệ ngoại lưu trữ).

- Đăng Khoa Lục làng Phượng Dực, phủ Thường Tín Hà Đông, chi Nguyễn Văn Tạo, Nguyễn Bá Chiêu⁽²⁾, do các ông: Bùi Quý Toàn

- Đình Xuân Mậu bảo tồn ở Hà Đông (Hậu duệ Nguyễn Ngọc Hiến sao lục, lưu trữ).

Kỳ tái bản này, soạn giả đã sưu khảo thêm được:

- Gia phả Ôn Như Hầu Nguyễn Gia Thiệu (Hà Bắc do hậu duệ nhà thơ Chánh Hà Nguyễn Gia Cần lưu trữ (Sài Gòn và Canada).

- Nguyễn Tộc Phả Đại Tông (chánh phả) ngành Nguyễn Như Trác, Nguyễn Tông Thái do hậu duệ Bế Nguyễn Du, Nguyễn Thu Cúc (Cao Bằng Lâm Đồng) lưu trữ.

- Gia phả họ Nguyễn ở Nhị Khê, dòng Nguyễn Anh Võ do hậu duệ Nguyễn Thúy Bách, Nguyễn Trọng Huy, Nguyễn Thị Mỳ; đến Nguyễn Văn Phú, Nguyễn Trọng Nho, Nguyễn Ngọc Định truyền lưu bảo tồn (Sài Gòn - Canada).

- Thế phả dòng Nguyễn Bá Phúc, Nguyễn Bá Triêm (Sử) Chi Thạch Động, Quỳnh Lưu Nghệ An, do hậu duệ Nguyễn Bá Tri. Nguyễn Bá Nghị, Nguyễn Bá Linh lưu trữ tại xứ Nghĩa Yên, Phước Long và Vũng Tàu.

(1) Phả này gồm 12 tập, được dịch nguyên bản chữ Hán (từ Thượng phả đến Trung phả của tộc Nguyễn (hiện còn) ở từ đường Hải Hậu Nam Định. Phần thượng phả đã do Tổ Nguyễn Quốc. Tiến sĩ thượng thư bộ binh thời nhà Lý "thiếp bút" đầu tiên. Tiếp đời Trần có Tổ Nguyễn Thuyên (tức Hàn Thuyên) viết lại bằng chữ Nôm. Đến thế kỷ 16 (1515) lại có sự phụ đính của các vị chức tước trong triều thời ấy hội biên. Xét phần này thế tất có nhiều chính xác hơn cả. (theo Ông Bế Nguyễn Du thì phả này cũng sao chép từ phả Nguyễn Tông Thái).

(2) Gia phả Nguyễn tộc ở Phượng Dực Hà Đông của chi phái Nguyễn Văn Tạo (Tri phủ An Bình (1820) và con là Nguyễn Bá Chiêu tự Viên Bản, cháu là Nguyễn Văn Cự vẫn giữ từ xa xưa. Sau đến các ông bà Bùi Mạnh Chương - Nguyễn Thị Loan và bà quá phụ Nguyễn Văn Sang, nhũ danh Nguyễn thị Phượng đồng bảo tồn. Cuối cùng gia phả ấy đã bị thất lạc trong thời kỳ chiến tranh 1945, nay chỉ còn Đăng Khoa Lục và bia Ký. Ngọc Phả làng Dực có ghi danh dòng Nguyễn Văn Tạo, hậu duệ Hào Lương Hầu Nguyễn Hữu Hào do làng xã và cụ Bùi Quý Toàn còn lưu trữ. (Như Hiên Nguyễn Ngọc Hiến đã sao lục, bảo tồn).

B- VỀ NGÀNH VƯƠNG: lược phả ngành Vương ở trang trên chúng tôi căn cứ theo các tôn phả sau:

- Gia phổ họ Nguyễn Phước (chi Tôn Nữ Hải Từ ở Nghệ An) do nhà văn Nguyễn Đình Tư biên soạn ngày 18-9-1991.

- Nguyễn Phước Tộc Giản Yếu chương 2, do Tôn Nữ Cẩm Bàn soạn lục và ban liên lạc Nguyễn Phước Tộc tại Sài Gòn ấn hành nội bộ năm 1992. Nếu chỉ theo hai tôn phả này và lập bảng "Lược phả kê cứu" như đã trình bày ở trên; riêng xét về ngành Vương, cho ta thấy vài sai lệch như:

- Nghĩa Huân Vương Nguyễn Văn Lang sanh Hoàng Dụ.
- Nguyễn Hoàng Dụ sanh Nguyễn Kim.
- Nguyễn Kim sanh Nguyễn Hoàng v.v...

Mới đây qua nghiên cứu về Thượng phả, Trung phả cùng các thế phả (như đã nói) chúng tôi phát hiện ra sự sai lệch trong thế thứ như An Hòa Hầu Nguyễn Hoàng Dụ với An Thành Hầu Nguyễn Kim là hai anh em thúc bá ruột chứ không phải là hai cha con (Xem bảng "Lược Phả Truy Cứu" trang bên đã sửa chữa).

Soạn giả cũng xin ghi chép ra sau đây gọi là **Bảng lược phả truy cứu**. Mong đợi sự truy cứu bổ sung cho chính xác. Với hy vọng sau này các phả hệ Nguyễn Tộc được ghi chép đồng nhất từ khởi Tổ Nguyễn Bặc đến hậu Tổ Nguyễn Trãi và tiếp tục xuống các tổ tiên riêng từng ngành họ Nguyễn hoặc Nguyễn Hữu...

(1) Đại Tông họ Nguyễn: Trung, Nam, Bắc nhận thấy cần góp ý bổ sung phần phả hệ trong tập sưu khảo LTH Nguyễn Hữu Cảnh của soạn giả Như Hiền cho kịp kỳ tái bản này được chính xác hơn.

Hội đồng Tông tộc dòng Nguyễn ở các nơi đã về nhóm họp với soạn giả tại Minh Minh Thư Uyển ngày 25 và 27/4/1994, gồm có các vị đang dịch soạn bộ phả hệ Nguyễn Đại Tông:

- Ông Bế Nguyễn Du (Cao nguyên Bắc Việt) dòng Tổ Nguyễn Như Trác (giữ chánh phả), tức Kim Thành phả Ký từ đầu thế kỷ XVI.
- Ông Nguyễn Bùi Chấn và em gái là bà Nguyễn Thị Minh Thu, đại diện bà Nguyễn Thị Thịnh (miền Bắc) dòng Cẩm Quận Công Nguyễn Hải (con thứ tư của tổ Nguyễn Hoàng).
- Ông Nguyễn Đình Long (miền Trung) dòng Tổ Nguyễn Xí.
- Đại diện Ông Nguyễn Địch Cương (vụ cầu Phú Thọ) dòng tổ Nguyễn Công Lộ.
- Ông Nguyễn Trọng Nho dòng Tổ Nguyễn Anh Vô Nhị Khê (hiện ở Sài Gòn).
- Bà Nguyễn Ngọc Hiền dòng Tổ Nguyễn Hữu Hào (hiện ở Sài Gòn).
- Ông Thanh Văn Nguyễn Duy Nhương: phiên dịch các phả chữ Hán.

Bảng lược phả truy cứu (Bảng 4)

Phần Hậu tổ

(11)* **ỨC TRAI NGUYỄN TRÃI**

(12) Hoàng Quốc Công **Nguyễn Công Duãn** (Doãn, Chuẩn) còn có tự là Hồng Quì, ông đã cùng với cha (Ức Trai) tham gia khởi nghĩa Lam Sơn. Biệt danh của ông Duãn là Hồ Đầu Tướng Quân, giữ sách Lê Hoa (vùng Lào Kai) khi chống nhau với Tướng Minh là Mộc Thạnh năm 1429, thăng chức Đô Kiểm Sự, ông sinh hạ 7 con trai:

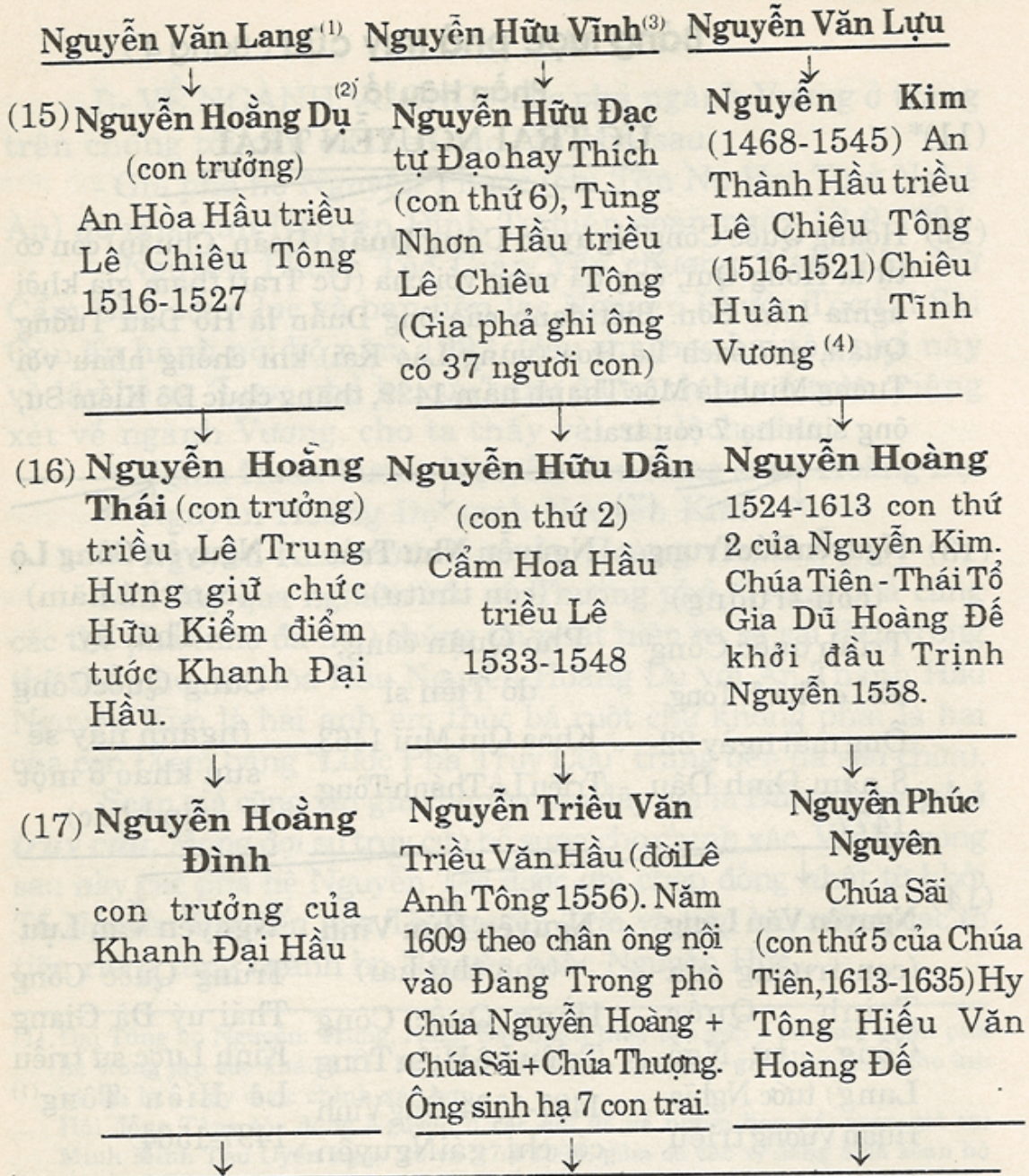
↓	(**)	↓	↓
(13) Nguyễn Đức Trung (con trưởng) Trình quốc Công đời Lê Thánh Tông. Ông mất ngày 22- 8 năm Đinh Dậu 1477	Nguyễn Như Trác (con thứ tư) Phó Quận công, đỗ Tiến sĩ Khoa Quý Mùi 1463 Triều Lê Thánh Tông	Nguyễn Công Lộ (con thứ năm) Thái úy Sùng Quốc Công (ngành này sẽ sưu khảo ở một dịp khác)	

↓	↓	↓
(14) Nguyễn Văn Lang (con trưởng của Trình Quốc Công, tự Ngô Lang) tước Nghĩa Huân Vương triều Lê Tương Dực 1510-1516	Nguyễn Hữu Vĩnh (con thứ hai) Hàng Quốc Công Triều Lê Hiến Tông 1497-1504. Ông Vĩnh có chị gái Nguyễn Thị Hằng Chánh hậu Vua Lê Thánh Tôn.	Nguyễn Văn Lự Trùng Quốc Công Thái úy Đà Giang Kinh Lược sứ triều Lê Hiến Tông ⁽¹⁾ 1497-1504

* Hệ thứ 11 trong vòng khuyến là lấy theo thứ tự từ số 1 là Khởi Tổ Nguyễn Bắc

** Hoàng Quốc Công Nguyễn Công Duãn có 7 người con trai; mũi tên chỉ đầu là con trưởng Đức Trung, thứ tư Như Trác và thứ năm Nguyễn Công Lộ.

(1) Xuất xứ là chữ Tông, sau vì húy tên vua Tự Đức là Dực Tông Anh Hoàng Đế nên đổi Tông ra Tôn.



- (1) Ông Nguyễn Văn Lang sinh 3 con trai Hoàng Dụ, Hoàng Úy, Hoàng Phụng
 (2) Ông Nguyễn Hoàng Dụ sinh 5 con trai Hoàng Thái - Tế - Trí - Tông - Thi
 (3) Ông Nguyễn Hữu Vĩnh có 6 con trai và 2 con gái: Con trưởng Nguyễn Hữu
 Kính (Như Kính) Phò mã đô úy, An phúc Hầu. 2: Nguyễn Hữu Dực (Rực)
 húy Mục Trinh. 3: Nguyễn Hữu Diễn (tự Đàm, Minh Đạt húy Chánh Đức).
 4: Nguyễn Hữu Dịch (theo An Thành Hầu Nguyễn Kim vào Nam đầu thế
 kỷ 16). 5: Nguyễn Hữu Ký (tự Kỳ) húy Cung Thanh. 6: Nguyễn Hữu Đạc
 (tự Thích) Tùng Nhơn (Dương) Hầu theo anh Dịch vào Nam. Con gái:
 Nguyễn Thị Sửu - Nguyễn Thị Hồ
 (4) Thượng phả, Nguyễn Đại Tông trang 83 có từ đầu nguyên bản Hán văn ở
 phụ lục 4.

	Nguyễn Hoàng Đình	Nguyễn Triều Văn	Nguyễn Phúc Nguyên
(18)	↓ Nguyễn Thả (con trưởng) Ông Thả không có con nổi giõi.	↓ Nguyễn Hữu Dật con thứ 5, Chiêu Vũ Hầu 1603-1681 trải ba triều Chúa : Chúa Sãi, Chúa Thượng và Chúa Hiên) Chiêu Vũ Hầu có 12 người con trai.	↓ Nguyễn Phúc Lan Chúa Thượng 1635-1648 Thần Tông Hiếu Triết Hoàng Đế
(19)	↓ Nguyễn Hữu Hào (con trưởng) Hào Lương Hầu, 1642-1713, Võ tướng - Văn nhân, ông là tác giả thi tập Song Tinh Bát Dạ, chữ Nôm dài nhất ở đầu thế kỷ 18. (Cả hai anh em ông Hữu Hào và Hữu Cảnh đều là công thần trải ba triều chúa: Chúa Hiên, chúa Ngãi và chúa Minh)	↓ Nguyễn Hữu Cảnh (con thứ ba) Lễ Thành Hầu, Vĩnh An Hầu 1650- 1700. Ông là một kiệt tướng đời Chúa Minh Nguyễn Phước Chu.	↓ - Nguyễn Phúc Tần Chúa Hiên 1648-1687 Thái Tôn Hiếu Triết Hoàng đế ↓ - Nguyễn Phúc Trăn Chúa Ngãi 1687-1691 ↓ - Nguyễn Phúc Chu Chúa Minh ⁽¹⁾ 1691-1725

(1) Những **bảng lược phả kê cứu** ở phía trên và **bảng lược phả truy cứu** này, được ghi chép từ tiền Tổ Nguyễn Bặc đến hậu Tổ Nguyễn Trãi, xuống đến đời LTH Nguyễn Hữu Cảnh, phần nhiều căn cứ vào phả Nguyễn Đại Tông, bởi phả này còn nguyên bản chữ Hán, có ghi chú niên kỷ và chức tước từng vị kể từ Tiền Tổ. Còn phần Trung phả lại được trực tiếp truy cứu ở gia phả chính tông dòng Vĩnh An Hầu Nguyễn Hữu Cảnh Quảng Bình và dòng Triều Văn Hầu ở Huế.

Xin lưu ý: kỳ tái bản này thì những Bảng phả hệ trên đã được sửa chữa theo chánh phả, thế phả (ghi rõ ở trang 37,38, xem kỹ hơn trong bảng phả đồ lập thành ở phụ lục 4.

Xem "Lược Phả Truy Cứu" so sánh ở trên, theo thiên luận có phần nào ăn khớp nhau, nhất là niên kỷ của mỗi hệ, mỗi ngành. Hơn nữa còn có phân trùng hợp giữa dòng họ Nguyễn Hữu, đã phò các triều Chúa Nguyễn.

Để làm sáng tỏ thêm phần truy cứu, soạn giả xin trích nguyên văn từng đoạn trong Ngọc phả Đại Tông Đường họ Nguyễn - Phần Thượng phả (trang 123) đã ghi:

"... Đời thứ nhất là Thái Thủy Tổ Định Quốc Công Nguyễn Bặc đến đời thứ 11 là Tổ Úc trai Nguyễn Trãi (Húy Trãi) đến đời thứ 15 là Tổ Chiêu Huân Tĩnh Công Húy Kim..."

....."Lê Duy Đản trong "Nam Hà Tiệp Lục" viết về Hoàng gia phổ hệ cho biết: "Tiên Tổ húy là Bặc...qua hơn" 400 năm sau đến Nguyễn Trãi..., lại qua hơn 100 năm nữa đến Nguyễn Kim..."

Đồng thời phả này cũng nêu rõ... "bởi Tổ Tiên dòng Nguyễn đã bốn lần mắc họa tru di⁽¹⁾, hình án khác biệt nhau, mà tai họa lần thứ tư là vụ án của Tổ Nguyễn Trãi, có di duệ là Nguyễn Công Duãn, Nguyễn Anh Võ⁽²⁾."

Phả ghi tiếp: "...Thời đó, ai sống sót được thì lo che dấu mọi mối quan hệ thân tộc. Về gia phả phải chép sai đã đành, nhiều nơi còn dùng sáp ong bôi lên phả rồi chôn dấu theo mồ mả cha ông;... Cho nên về sau phần đông ở các phả hệ, nhiều chi phái vẫn để nguyên sự sai sót chuyển đổi cốt ý của Tiên nhân như thế; Vậy mới có sự lệch lạc của một số phả hệ dòng Nguyễn sau này."

(1) -Hình án thứ nhất của chính Khởi Tổ Nguyễn Bặc đã chống Lê Hoàn.

-Hình án thứ hai là Tiên sĩ Nguyễn Quốc (tổ thứ 4 của Nguyễn Trãi), ông Quốc chống nịnh thần đời nhà Lý mà bị giết, thảm họa đến số đông họ hàng.

-Lần thứ ba đến tổ Nguyễn Công Luật bị giết cùng một số con cháu vì chống Hồ Quý Ly.

-Cuối cùng là vụ án Lệ Chi Viên khiến cả dòng tộc, ba họ phải chết thảm.

(2) Cho đến nay phần đông vẫn thắc mắc về dòng Nguyễn Hữu là do di duệ của Tổ Nguyễn Công Duãn, hay của Tổ Nguyễn Anh Võ? Nay sưu tầm chính xác thì thấy rằng dòng Nguyễn Hữu trực thuộc tổ Công Duãn.

Cuối cùng, phả Nguyễn Đại Tông còn lên tiếng đề nghị: "... những chi còn giữ gia phả họ Nguyễn nên lưu tâm tìm hiểu phả hệ chính ngành và xem xét tiếp cho chính xác ..." (1)

Nơi đây xin tóm gọn phần phả hệ dòng Nguyễn Hữu theo chính phả Vĩnh An Hầu Nguyễn Hữu Cảnh và Thượng phả Nguyễn Đại Tông:

+Lễ Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh là

- Hậu duệ 19 đời của khởi Tổ Nguyễn Bặc,
- Hậu duệ 9 đời của hậu Tổ Nguyễn Trãi
- Cháu bàng hệ 7 đời của Tổ Nguyễn Như Trác,
- Cháu bàng hệ 5 đời của Tổ Nguyễn Kim,
- Cháu nội của Triều Văn Hầu Nguyễn Triều Văn,
- Con trai thứ 3 của Chiêu Vũ Hầu Nguyễn Hữu Dật,
- Em ruột của Hào Lương Hầu Nguyễn Hữu Hào.
- Cha của Thanh Nghị Hầu Nguyễn Hữu Tú

4. Việc thiên cư của dòng họ Nguyễn Hữu vào Đàng Trong dưới thời Trịnh Nguyễn phân tranh 1558 - 1672

Thời đó, được sự chấp thuận "lấy lệ" của Vua Lê Anh Tông, theo ý đồ của Lương Quốc Công Trịnh Kiểm. Đuan Quận Công Nguyễn Hoàng dời Tây Đô vào trấn thủ đất Thuận Hóa (Đàng Trong) từ 1558. Đầu tiên, Ngài cho lập dinh, đóng đồn tại làng Ái Tử, huyện Vũ Xuyên, tỉnh Quảng Trị (2).

(1) Đoạn này có ý nhắc đến phả dòng Nguyễn Hữu ở Phường Đức Huế! Cũng do phả Phường Đức, về sau trong Nguyễn Thúc: Thơ Nôm Phước môn đã sao như vậy! Phước môn là tước vị của Nhất trụ triều đình Nguyễn Hữu Bài (1863-1935) do Vua Bảo Đại tấn phong năm 1932 gọi là Phước môn Quận Công. Ngài thuộc ngành Nguyễn Hữu Đài, chi này giữ gia phả Phường Đức Huế.

(2) Huyện Vũ Xuyên sau đổi là Đặng Xuyên rồi Thuận Xương thuộc Triệu phong tỉnh Quảng Trị.

Song song với việc khai hóa, Đoan Quận Công đã hết lòng chăm lo vô về quân dân, thu dùng hào kiệt, nhẹ xâu thuế⁽¹⁾.

Tương truyền dân chúng miền Thuận Quảng đều vô cùng kính phục, xem Ngài như một vị Tiên; vả lại Ngài cũng là vị Chúa đầu tiên ở Đàng Trong, do đó họ tôn xưng Ngài là Chúa Tiên; lại vì Chúa họ Nguyễn nên thường gọi Chúa Nguyễn nhiều hơn.

Số người theo phò Chúa ngày ấy; Ngoài đoàn Nghĩa Dũng còn có rất nhiều thân tộc lẫn đồng hương Thanh Hóa, họ đem cả gia quyến di chuyển vào phía Nam với Đoan Quận Công; Trong đó có dòng họ Nguyễn Hữu⁽²⁾, họ này về sau được tin cần, có nhiều người giữ đến chức Chương cơ⁽³⁾.

Ở Đàng Trong, Chúa Nguyễn vẫn phải ra Bắc nạp thuế cho Vua Lê và chung lo chống nhà Mạc. Mãi đến năm 1627 mới ra mặt đối địch với Chúa Trịnh ở Đàng Ngoài. Đồi bên Nam Bắc cách biệt nhau bởi con sông Linh Giang tức sông Gianh làm ranh giới.

(1) Theo Đại Nam Thực Lục Tiền biên quyển 1 trang 31, 32 và Việt Sử Xứ Đàng Trong của Phan Khoang trang 138, 158, 169.

(2) Thực ra dòng Nguyễn Hữu có tổ Nguyễn Hữu Đạo và anh là Nguyễn Hữu Dịch đã theo Nghĩa Huân Vương Nguyễn Văn Lang và An Thành Hầu Nguyễn Kim vào đàng trong từ thế kỷ thứ 16.

(3) Thuở ấy chức Chương Cơ, Cai cơ phần nhiều dành cho những ai có liên hệ họ hàng gần xa với nhà Chúa.

BẢN ĐỒ CHỈ DẪN HÀNH TRÌNH VÀO ĐẤT THUẬN HÓA CỦA CHÚA NGUYỄN 1558 VÀ CỦA DÒNG NGUYỄN HỮU NĂM 1609

